TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HS-ST
Ngày 09/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng, nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện H, tỉnh Hà Giang;

2. Ông Vần Kim Đưởng, nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện H, tỉnh Hà Giang.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lò Là Cáo - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Viên, ông Tằng Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2026/TLST-HS ngày 14/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HS ngày 23/02/2026, đối với bị cáo:

LY VĂN Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 24/7/2003 tại xã T, tỉnh Tuyên Quang; căn cước công dân số: 002203004831 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 29/4/2021. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ly Văn Lương, sinh năm: 1981 và bà: Thàng Thị Rích, sinh năm: 1982; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2025 đến nay tại xã T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ly Văn Đ*: Bà Nguyễn Thị Lan H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt*.

- *Bị hại*: Cháu Ng, sinh ngày: 06/11/2010, địa chỉ: Thôn 02 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt*.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị hại Ng*: Bà Cáo Thị L, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn 02 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt*.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại Ng*: Bà Trần Thị L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Đại diện Trường Tiểu học và THCS Túng Sán, xã T, tỉnh Tuyên Quang*: Bà Lê Thị Ng – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng. *Vắng mặt.*

- *Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã T, tỉnh Tuyên Quang*: Ông Lý Văn K - Chức vụ: Bí thư. *Vắng mặt*.

- *Người làm chứng:* Anh Nông Văn Nh; chị Min Thị L; chị Ly Thị Ch; anh Min Seo H. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo pháp luật của chị Min Thị L: Anh Min Seo Th; sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn 02 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/7/2025, Ly Văn Đ, sinh năm 2003, trú tại thôn M, xã T, tỉnh Tuyên Quang gặp làm quen với Ng, sinh ngày 06/11/2010, trú tại thôn 2 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó, hai người kết bạn qua tài khoản Zalo rồi thường xuyên nhắn tin, gọi điện và nảy sinh tình cảm yêu đương giữa Ng và Đ. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 26/7/2025, Đ gọi điện qua Zalo cho Ng rủ tối xuống khu vực ngã ba chợ Túng Sán để uống nước, Ng trả lời: *"tối muộn em không đi đâu, nếu không anh lên nhà em chơi",* Đ đồng ý. Đ rủ bạn là Nông Văn Nh, sinh năm 2005, trú cùng thôn với Đ đi lên nhà Ng chơi, Nh đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Nh điều khiển xe mô tô chở Đ lên nhà Ng, khi đến nơi cả hai gặp Ng và Min Thị L, trú tại thôn 2 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang đang ở nhà. Sau đó, Ng đi sang quán tạp hóa của Min Seo H, sinh năm 1993, trú cùng thôn với Ng mua 06 chai bia loại 0,8 lít về nhà rồi cả bốn người cùng nhau ngồi uống bia nói chuyện. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ thấy gần hết bia nên nói với mọi người: *"ra quán xem có đồ gì không thì mua thêm về nhắm"*, L bảo Ng: *"đi cùng anh ấy đi, xem quán còn mở không"*, Ng đồng ý và cùng Đ đi bộ sang quán của H để mua đồ, khi đến nơi cả hai thấy quán đã đóng cửa nên quay lại nhà Ng. Trên Đ về, Đ dùng tay trái nắm tay phải của Ng kéo lại và ôm hôn Ng, rồi đẩy Ng dựa vào ta luy dương bên phải Đ liên thôn, Đ nảy sinh ý định thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Ng nên nói *"hôm nay em chiều anh một lần nhé"* ý là cho Đ quan hệ tình dục với Ng một lần, Đ dùng tay phải tự cởi hết quần dài và quần lót của Đ xuống đến đầu gối, rồi kéo tụt quần dài (loại quần chun) và quần lót của Ng xuống đến đầu gối, Ng nói*: "hôm nay em đến tháng, để ngày mai hoặc ngày kia hết em cho anh"*, Đ nói tiếp: *"Em cho anh một lần thôi",* Ng đồng ý và không nói gì. Đ đưa dương vật đã cương cứng của mình vào trong âm đạo của Ng thực hiện hành vi giao cấu được khoảng 05 phút thì Đ đưa dương vật ra khỏi âm đạo của Ng và xuất tinh ra ngoài. Sau đó, Đ và Ng tự kéo quần của mình lên rồi đi về nhà Ng. Khi đến nơi, Đ và Nh lấy xe mô tô đi về nhà, còn Ng lên giường nằm ngủ. Ngày 27/7/2025, anh trai của Ng là Min Seo Ph, sinh năm 2000, trú tại thôn

2 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang nghi ngờ Ng bị xâm hại tình dục nên hỏi Ng và Ng đã kể lại sự việc bị Đ thực hiện hành vi giao cấu cho anh trai là Min Seo Ph, sinh năm 2000, trú tại thôn 2 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang biết. Cùng ngày, Ph đến Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận giám định số 08/KLTDTE-TTQĐYK&PY ngày 31/7/2025 của Trung tâm giám định Y khoa và pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận:

"- Bộ phận sinh dục của Ng không có thương tích gì. Màng trinh có vết rách cũ tại vị trí 07 giờ;

- Tại thời điểm giám định Ng không bị nhiễm HIV;

- Tại thời điểm giám định Ng không có thai" (từ bút lục số 46 đến bút lục số 47).

Tại Bản kết luận giám định số HT491.25/PY-XNSH ngày 08/8/2025 của Viện Pháp y Quân đội kết luận:

"Dấu vết trên: tăm bông thu mẫu dịch âm đạo của Ng (ký hiệu A1), 01 quần dài màu đen (ký hiệu A2), 01 quần lót nữ (ký hiệu A3) gửi giám định có ADN nhiễm sắc thể Y; trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể Y từ tóc của Ly Văn Đ (ký hiệu M) trên các locus gen phân tích được". (từ bút lục số 57 đến bút lục số 58).

Trước cơ quan điều tra, bị cáo Ly Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo (từ bút lục số 82 đến bút lục số 103), Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại (từ bút lục số 114 đến bút lục số 121), lời khai của người làm chứng (từ bút lục số 122 đến bút lục số 127) phù hợp với các Bản Kết luận giám định (từ bút lục số 46 đến bút lục số 47, từ bút lục số 57 đến bút lục số 58), phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường (từ bút lục số 29 đến bút lục số 35) và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

* Về vật chứng vụ án:

- 01 *(Một)* quần lót nữ, có hoạ tiết hoa văn nhiều màu sắc, đã qua sử dụng, được niêm phong trong bìa cát tông, bên ngoài có dán dải giấy màu trắng, bên trên giấy có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia và dấu tròn đỏ của Viện Pháp y – Cục Quân y, ký hiệu A3.

- 01 *(Một)* quần dài màu đen, loại quần cạp chun, mặt ngoài có gắn các hạt trang trí nhỏ màu trắng, quần đã qua sử dụng, được niêm phong trong bìa cát tông, bên ngoài có dán dải giấy màu trắng, bên trên giấy có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia, có dấu tròn đỏ của Viện Pháp y – Cục Quân y và của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Tuyên Quang, ký hiệu A2.

- 01 *(Một)* áo sơ mi dài tay màu sọc trắng xanh, trên phần tay áo có hai dải vải màu đen trắng đỏ, cũ đã qua sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Ngày 15/12/2025, bị cáo Ly Văn Đ đã bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho bị hại Ng số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Bị hại Ng đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến đề nghị gì thêm.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSKV6 ngày 12/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Ly Văn Đ về tội *"Giao cấu với người*

từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận giám định, lời khai của bị hại, người làm chứng, các vật chứng thu giữ và tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đ, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Ly Văn Đ phạm tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"*.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ly Văn Đ từ 18 (*Mười tám*) tháng đến 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị cáo thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí do đó đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Ly Văn Đ không có ý kiến đối đáp lại với luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

* Người bào chữa cho bị cáo Ly Văn Đ: Nhất trí với điều luật áp dụng và tội danh đối với bị cáo Ly Văn Đ. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ly Văn Đ 18 (*Mười tám*) tháng tù. Về dân sự: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Ng: Đồng tình với tội danh, việc áp dụng pháp luật và mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có đề nghị gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Điều tra viên, kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Ly Văn Đ đã khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra *(bút lục 82 - 101)* và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng hơn 22 giờ ngày 26/7/2025, Ly Văn Đ, sinh năm 2003, trú tại thôn M, xã T, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện hành vi giao cấu với Ng, sinh ngày 06/11/2010, trú tại thôn 2 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang tại khu vực Đ liên thôn thuộc thôn 2 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Khi Ng mới được 14 tuổi 8 tháng 20 ngày. Hành vi của bị cáo Ly Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Điều 145 Bộ luật Hình sự: Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi:

"1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm…".

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Ly Văn Đ về tội "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*" theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên có nhận thức về hành vi vi phạm của mình nhưng vì thỏa mãn nhu cầu tình dục nên bị cáo đã lợi dụng sự non nớt, tình trạng thiếu kinh nghiệm sống và thiếu hiểu biết của bị hại để cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của trẻ em nữ, gây tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc là hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Về nhân thân: Không có. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 145 Bộ luật Hình sự, quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*. Tuy nhiên theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo là lao động tự do, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, ngày 15/12/2025, bị cáo Ly Văn Đ đã bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho bị hại Ng số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Bị hại Ng đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến đề nghị gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với: 01 *(Một)* quần lót nữ, có hoạ tiết hoa văn nhiều màu sắc, đã qua sử dụng, được niêm phong trong bìa cát tông, bên ngoài có dán dải giấy màu trắng, bên trên giấy có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia và dấu tròn đỏ của Viện Pháp y – Cục Quân y, ký hiệu A3; 01 *(Một)* quần dài màu đen, loại quần cạp chun, mặt ngoài có gắn các hạt trang trí nhỏ màu trắng, quần đã qua sử dụng, được niêm phong trong bìa cát tông, bên ngoài có dán dải giấy màu trắng, bên trên giấy có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia, có dấu tròn đỏ của Viện Pháp y – Cục Quân y và của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Tuyên Quang, ký hiệu A2; 01 *(Một)* áo sơ mi dài tay màu sọc trắng xanh, trên phần tay áo có hai dải vải màu đen trắng đỏ, cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và lời khai tại phiên tòa của bị cáo đã xác định số vật chứng trên là tài sản riêng của bị hại Ng và có đơn xin nhận lại tài sản. Xét thấy vật chứng trên không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên được trả lại cho chủ sở hữu là bị hại Ng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Ly Văn Đ phạm tội: "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ly Văn Đ 01 (*Một*) năm 08 (*Tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ly Văn Đ.

3. Biện pháp tư pháp và về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Ng: 01 *(Một)* quần lót nữ, có hoạ tiết hoa văn nhiều màu sắc, đã qua sử dụng, được niêm phong trong bìa cát tông, bên ngoài có dán dải giấy màu trắng, bên trên giấy có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia và dấu tròn đỏ của Viện Pháp y – Cục Quân y, ký hiệu A3; 01 *(Một)* quần dài màu đen, loại quần cạp chun, mặt ngoài có gắn các hạt trang trí nhỏ màu trắng, quần đã qua sử dụng, được niêm phong trong bìa cát tông, bên ngoài có dán dải giấy màu trắng, bên trên giấy có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia, có dấu tròn đỏ của Viện Pháp y – Cục Quân y và của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Tuyên Quang, ký hiệu A2; 01 *(Một)* áo sơ mi dài tay màu sọc trắng xanh, trên phần tay áo có hai dải vải màu đen trắng đỏ, cũ đã qua sử dụng.

Người nhận tài sản: Bà Cáo Thị L, địa chỉ: thôn 02 P, xã T, tỉnh Tuyên Quang (là người đại diện theo pháp luật của bị hại Ng).

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Tuyên Quang).

4. Về án phí: Bị cáo Ly Văn Đ được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 – Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh